Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 14.08.2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1728 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 12 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng chế độ mai táng phí

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 9 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;

Căn cứ Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương.

Căn cứ Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1847/TTr-SLĐTBXH ngày 01 tháng 8 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 25 đối tượng được hưởng chế độ mai táng phí theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg, Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg, Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg, Với tổng số tiền là: 343.900.000 đồng (Ba trăm bốn mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng).

(*Đính kèm danh sách*)

Điều 2. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Hòa Thành, Gò Dầu, Bến Cầu, Tân Châu, Châu Thành, Tân Biên, thành phố Tây Ninh và gia đình của các cá nhân được hưởng chế độ mai táng phí chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- CVP, PVP Long, Nhung;
- PVHXH, KTTC;
- Lưu: VT VP ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh. Tuấn

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG CHẾ ĐỘ MAI TÁNG PHÍ
Theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ
(Kèm theo Quyết định số 1426 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Ngày, tháng từ trần	Mức hưởng	Ghi chú
1	Dương Thị Hòa	1935	Bắc Giang	Phường 3, thành phố Tây Ninh	18/04/2019	13.900.000	
					Tổng cộng:	**13.900.000**	

Tổng số đối tượng: 01 đối tượng.
Tổng số tiền: 13.900.000 đồng *(Mười ba triệu chín trăm nghìn đồng)*.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG CHẾ ĐỘ MAI TÁNG PHÍ

Theo Quyết định 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ

(Kèm theo Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Ngày, tháng từ trần	Mức hưởng	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Minh Tuyết	1955	Tiền Giang	Phường 3, Thành phố Tây Ninh	30/11/2018	13.900.000	
2	Nguyễn Tấn Hưng	1951	Tây Ninh	Xã Trường Hòa, huyện Hòa Thành	28/05/2019	13.900.000	
3	Phạm Văn Bé	1941	Tiền Giang	Xã Trường Hòa, huyện Hòa Thành	02/07/2018	13.900.000	
4	Dương Văn Thệ	1942	Tây Ninh	Xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành	09/11/2018	13.900.000	
5	Nguyễn Văn Quang	1953	Long An	Xã Long Thành Nam, huyện Hòa Thành	02/01/2019	13.900.000	
6	Đỗ Hữu Thạnh	1949	Bình Dương	Xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành	14/01/2017	12.100.000	
7	Phan Đình Nết	1948	Tây Ninh	Xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành	08/06/2019	13.900.000	
8	Lê Hoàng Ngưu	1952	Tây Ninh	Xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu	01/05/2019	13.900.000	
9	Lê Văn Căng	1935	Tây Ninh	Xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu	02/05/2019	13.900.000	
10	Đoàn Văn Sương	1951	Tây Ninh	Xã Phước Trạch, huyện Gò Dầu	27/04/2019	13.900.000	
					Tổng cộng:	**137.200.000**	

Tổng số đối tượng: 10 đối tượng

Tổng số tiền: 137.200.000 đồng *(Một trăm ba mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng)*.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG CHẾ ĐỘ MAI TÁNG PHÍ

Theo Quyết định 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ

(Kèm theo Quyết định số 1728/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Ngày, tháng từ trần	Mức hưởng	Ghi chú
1	Trần Văn Minh	1951	Tây Ninh	Xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh	06/11/2014	12.100.000	
					Tổng cộng:	**12.100.000**	

Tổng số đối tượng: 01 đối tượng.

Tổng số tiền: 12.100.000 đồng *(Mười hai triệu một trăm nghìn đồng)* .

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG CHẾ ĐỘ MAI TÁNG PHÍ

Theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ

(Kèm theo Quyết định số 1228 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Ngày, tháng từ trần	Mức hưởng	Ghi chú
1	Lê Văn Kỷ	1952	Tây Ninh	Xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu	14/05/2019	13.900.000	TN415
2	Huỳnh Văn Hùm	1953	Tây Ninh	Xã Phước Đông, huyện Gò Dầu	05/05/2019	13.900.000	TN416
3	Võ Công Sinh	1963	Tây Ninh	Xã Phước Trạch, huyện Gò Dầu	06/06/2019	13.900.000	TN417
4	Nguyễn Văn Đành	1958	Tây Ninh	Xã Long Thuận, huyện Bến Cầu	17/05/2019	13.900.000	TN418
5	Nguyễn Thanh Sang	1957	Tây Ninh	Xã Phước Vinh, huyện Châu Thành	02/05/2019	13.900.000	TN419
6	Ngô Văn Đức	1954	Campuchia	Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu	21/04/2019	13.900.000	TN420
					Tổng cộng:	**83.400.000**	

Tổng số đối tượng: 06 đối tượng

Tổng số tiền: 83.400.000 đồng *(Tám mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng)*.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG CHẾ ĐỘ MAI TÁNG PHÍ
Theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ
(Kèm theo Quyết định số 1728/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Ngày, tháng từ trần	Mức hưởng	Ghi chú
1	Lê Thị Lệ	1939	An Giang	Xã Trường Đông, huyện Hòa Thành	06/04/2019	13.900.000	TN418
2	Nguyễn Thị Xiềm	1937	Long An	Xã Trường Đông, huyện Hòa Thành	02/06/2019	13.900.000	TN419
3	Nguyễn Văn Thanh	1954	Tây Ninh	Thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu	23/03/2019	13.900.000	TN420
4	Bùi Văn Bia	1960	Tây Ninh	Xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu	14/03/2019	13.900.000	TN421
5	Nhơn Văn Phước	1953	Bình Dương	Xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu	11/05/2019	13.900.000	TN422
6	Phan Văn Lâu	1957	Bến Tre	Xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành	28/02/2019	13.900.000	TN423
7	Lê Hoàng Chiến	1946	Hậu Giang	Xã Tân Lập, huyện Tân Biên	22/05/2019	13.900.000	TN424
					Tổng cộng:	**97.300.000**	

Tổng số đối tượng: 07 đối tượng.
Tổng số tiền: 97.300.000 đồng *(Chín mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng)*.